

Số: 606/QĐ - UBND

Kim Thành, ngày 26 tháng 7 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2025  
trình Hội đồng nhân dân xã kỳ họp thứ 2, nhiệm kỳ 2021-2026

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KIM THÀNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016, về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng về việc phê chuẩn Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 thành phố Hải Phòng sau sắp xếp;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Công bố công khai số liệu dự toán Thu - Chi ngân sách xã Kim Thành năm 2025, trình HĐND xã lần thứ 2, nhiệm kỳ 2021-2026.

Gồm các mẫu biểu đính kèm sau:

1. Biểu số: 103/CKTC- NSNN: Cân đối dự toán ngân sách xã năm 2025
2. Biểu số: 104/CKTC- NSNN: Dự toán thu ngân sách xã năm 2025
3. Biểu số: 105/CKTC- NSNN: Dự toán chi ngân sách xã năm 2025
4. Biểu số: 106/CKTC- NSNN: Dự toán chi Đầu tư phát triển năm 2025

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã Kim Thành, Thủ trưởng các phòng ban, ngành, Hiệu trưởng các trường học và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã;
- Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND xã;
- Ban Văn hóa - Xã hội, HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, PKT



**CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Nghiệp

## CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán trình Hội Đồng Nhân Dân)

Đơn vị: Triệu đồng

| Nội dung thu                           | Dự toán        | Nội dung chi             | Dự toán        |
|----------------------------------------|----------------|--------------------------|----------------|
| <b>TỔNG SỐ THU</b>                     | <b>180.984</b> | <b>TỔNG SỐ CHI</b>       | <b>180.984</b> |
| I. Các khoản thu xã hưởng 100%         | 869            | I. Chi đầu tư phát triển | 12.540         |
|                                        |                |                          |                |
|                                        |                |                          |                |
|                                        |                |                          |                |
| II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ | 15.430         | II. Chi thường xuyên     | 164.470        |
|                                        |                |                          |                |
| III. Thu bổ sung                       | 164.685        | III. Dự phòng, tiết kiệm | 3.974          |
| - Bổ sung cân đối                      | 164.685        |                          |                |
| - Bổ sung có mục tiêu                  |                |                          |                |
| IV. Thu chuyển nguồn                   |                |                          |                |

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thanh Nghị

Ngày 26 tháng 7 năm 2025

TỔM ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ  
CHỦ TỊCH  
Nguyễn Văn Nghiệp

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025  
(Dự toán trình Hội Đồng Nhân Dân)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Nội dung thu                                           | THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025 |         | Dự toán năm 2025 |         | So sánh (%) |         |
|-----|--------------------------------------------------------|--------------------------------|---------|------------------|---------|-------------|---------|
|     |                                                        | Thu NSNN                       | Thu NSX | Thu NSNN         | Thu NSX | Thu NSNN    | Thu NSX |
| A   | B                                                      | I                              | 2       | 3                | 4       | 5=3/1       | 6=4/2   |
|     | TỔNG SỐ THU                                            | 0                              | 64.831  | 252.249          | 180.984 |             | 279,16  |
| I   | Các khoản thu xã hưởng 100%                            | 0                              | 1.373   | 869              | 869     |             | 63,29   |
|     | Phí, lệ phí                                            |                                | 50      | 139              | 139     |             | 278,00  |
|     | Thu quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác      |                                | 686     | 390              | 390     |             | 56,85   |
|     | Thu phạt + Thu khác                                    |                                | 637     | 340              | 340     |             | 53,38   |
| II  | Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ                     | 0                              | 8.917   | 86.695           | 15.430  |             | 173,04  |
| 1   | Các khoản thu phân chia                                | 0                              | 3.199   | 3.095            | 2.890   |             | 90,34   |
|     | Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp                       |                                | 1.030   | 858              | 858     |             | 83,30   |
|     | Lệ phí môn bài                                         |                                | 56      |                  | 0       |             | 0,00    |
|     | Lệ phí trước bạ nhà đất                                |                                | 1.285   | 1.210            | 1.210   |             | 94,16   |
|     | Thuế thu nhập cá nhân 80%                              |                                | 366     | 362              | 290     |             | 79,23   |
|     | Thuế GTGT 80%; Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh |                                | 462     | 665              | 532     |             | 115,15  |
| 2   | Các khoản phân chia khác do cấp tỉnh quy định          | 0                              | 5.718   | 83.600           | 12.540  |             | 219,31  |
|     | Thu tiền sử dụng đất                                   |                                | 5.718   | 83.600           | 12.540  |             | 219,31  |
| III | Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)  |                                |         |                  |         |             |         |
| IV  | Thu chuyển nguồn                                       |                                | 5.493   |                  |         |             |         |
| V   | Thu kết dư ngân sách năm trước                         |                                | 0       |                  |         |             |         |
| VI  | Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên                      | 0                              | 49.048  | 164.685          | 164.685 |             | 335,76  |
|     | - Bổ sung cân đối                                      |                                | 19.100  | 164.685          | 164.685 |             | 862,23  |
|     | - Bổ sung có mục tiêu                                  |                                | 29.948  |                  |         |             |         |

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thanh Nghị

THÀNH TẠM UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ



Nguyễn Văn Nghiệp

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025  
(Dự toán trình Hội Đồng Nhân Dân)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | NỘI DUNG                                             | THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025 |           |              |  | Dự toán năm 2025 |           |              | So sánh (%) |           |              |
|-----|------------------------------------------------------|--------------------------------|-----------|--------------|--|------------------|-----------|--------------|-------------|-----------|--------------|
|     |                                                      | TỔNG CỘNG                      | ĐẦU TƯ PT | THƯỜNG XUYÊN |  | TỔNG CỘNG        | ĐẦU TƯ PT | THƯỜNG XUYÊN | TỔNG CỘNG   | ĐẦU TƯ PT | THƯỜNG XUYÊN |
| A   | B                                                    | I=2+3                          | 2         | 3            |  | 4=5+6            | 5         | 6            | 7=4/1       | 8=5/2     | 9=6/3        |
|     | TỔNG CHI                                             | 54.239                         | 27.503    | 26.736       |  | 180.984          | 12.540    | 168.444      | 333,68      | 45,60     | 630,03       |
| I   | Chi thường xuyên:                                    | 54.239                         | 27.503    | 26.736       |  | 180.984          | 12.540    | 168.444      | 333,68      | 45,60     | 630,03       |
| 1   | Chi giáo dục                                         | 11.860                         | 11.860    |              |  | 106.262          |           | 106.262      |             |           |              |
| 2   | Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ                  | 0                              |           |              |  | 0                |           | 0            |             |           |              |
| 3   | Chi y tế                                             | 0                              |           |              |  | 284              |           | 284          |             |           |              |
| 4   | Chi văn hóa thông tin, truyền thanh                  | 98                             |           | 98           |  | 802              |           | 802          | 818,37      |           | 818,37       |
| 5   | Chi thể dục thể thao                                 | 27                             |           | 27           |  | 323              |           | 323          | 1.196,30    |           | 1.196,30     |
| 6   | Chi bảo vệ môi trường                                | 324                            |           | 324          |  | 2.367            |           | 2.367        |             |           |              |
| 7   | Chi các hoạt động kinh tế                            | 11.911                         | 7.018     | 4.893        |  | 2.043            |           | 2.043        | 17,15       |           | 41,75        |
| 8   | Chi hoạt động QLNN, Đảng, đoàn thể, An ninh, quân sự | 25.327                         | 7.730     | 17.597       |  | 56.527           | 12.540    | 43.987       | 223,19      |           | 249,97       |
| 9   | Chi công tác xã hội                                  | 3.629                          | 895       | 2.734        |  | 8.402            |           | 8.402        | 231,52      |           | 307,32       |
| 10  | Chi hỗ trợ các hiệp Hội khác                         | 1.063                          |           | 1.063        |  | 0                |           | 0            | 0,00        |           | 0,00         |
| 11  | Chi dự phòng (Tiết kiệm 10% TX)                      |                                |           |              |  | 3.974            |           | 3.974        |             |           |              |

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thanh Nghị

Ngày 26 tháng 7 năm 2025



Nguyễn Văn Nghiệp

DỰ TOÁN CHI XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2025  
(Dự toán trình Hội Đồng Nhân Dân)

Đơn vị: Triệu đồng

| Danh mục dự án                                                                                                       | Địa điểm XD | Thời gian KC-HT | Tổng mức đầu tư được duyệt | Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024 | còn nợ đến hết ngày năm 2024 | Dự kiến kế hoạch vốn năm 2025    |         |              |                           |              |                              | Ghi chú |                                   |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------|----------------------------|---------------------------------------|------------------------------|----------------------------------|---------|--------------|---------------------------|--------------|------------------------------|---------|-----------------------------------|
|                                                                                                                      |             |                 |                            |                                       |                              | Trong đó: vốn trong cân đối NSDP |         |              |                           |              |                              |         |                                   |
|                                                                                                                      |             |                 |                            |                                       |                              | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)   | Tổng số | Bao gồm      |                           |              | Trong đó: Thanh toán nợ XDCB |         |                                   |
|                                                                                                                      |             |                 |                            |                                       |                              |                                  |         | ngân sách TW | Ngân sách cấp trên hỗ trợ | ngân sách xã |                              |         | Vốn khác                          |
| TỔNG CỘNG                                                                                                            |             |                 | 194.916                    | 107.748                               | 44.685                       | 67.404                           | 67.404  | -            | 35.864                    | 12.540       | 19.000                       | 35.518  |                                   |
| Các dự án hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2020                                              |             |                 | 29.943                     | 25.151                                | 2.695                        | 2.695                            | 2.695   | -            | -                         | 2.695        | -                            | 2.695   |                                   |
| Trường Mầm Non Bình Dân, hạng mục: Sân lấp; Cổng; Tường rào, nâng cấp tầng 2 nhà lớp học 1 tầng 4 phòng móng 2 tầng. | Cụm số 6    | 2017-2018       | 5.000                      | 4.502                                 | 17                           | 17                               | 17      |              |                           | 17           |                              | 17      | Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025 |
| Trường Mầm Non xã Bình Dân, hạng mục Nhà hiệu bộ, chức năng                                                          | Cụm số 6    | 2017            | 5.490                      | 4.985                                 | 19                           | 19                               | 19      |              |                           | 19           |                              | 19      | Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025 |
| Trường Mầm Non xã Bình Dân, hạng mục: Nhà bảo vệ, nhà bếp, nhà xe                                                    | Cụm số 6    | 2017-2018       | 1.517                      | 1.392                                 | 10                           | 10                               | 10      |              |                           | 10           |                              | 10      | Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025 |
| HTKT điểm dân cư số 5 thôn Trung Tuyền                                                                               | Cụm số 6    | 2017-2018       | 2.783                      | 2.535                                 | 14                           | 14                               | 14      |              |                           | 14           |                              | 14      | Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025 |
| Sân thể thao xã Bình Dân, hạng mục: Sân nền, giao thông, thoát nước                                                  | Cụm số 6    | 2017-2018       | 3.483                      | 3.211                                 | 12                           | 12                               | 12      |              |                           | 12           |                              | 12      | Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025 |
| Nhà lớp học 2 tầng, 8 phòng (móng 3 tầng) trường Tiểu học xã Bình Dân                                                | Cụm số 6    | 2019            | 6.354                      | 5.807                                 | 26                           | 26                               | 26      |              |                           | 26           |                              | 26      | Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025 |
| Sân lấp và xây mới hè rãnh nhà lớp học 1 Tầng 4 phòng trường tiểu học Kiến Đức                                       | Cụm số 4    | 2018            | 1.050                      | 477                                   | 573                          | 573                              | 573     |              |                           | 573          |                              | 573     | nợ                                |
| Đường giao thông nông thôn xã Đại Đức: Đoạn từ mả non Nguyễn Bạo đến kênh KT3                                        | Cụm số 4    | 2020            | 1.015                      | 741                                   | 274                          | 274                              | 274     |              |                           | 274          |                              | 274     | nợ                                |
| Hàng rào nghĩa trang liệt sỹ                                                                                         | Cụm số 4    | 2020            | 750                        | 500                                   | 250                          | 250                              | 250     |              |                           | 250          |                              | 250     | nợ                                |
| Các Hạng mục phụ trợ trường tiểu học Đại Đức                                                                         | Cụm số 4    | 2020            | 901                        | 500                                   | 401                          | 401                              | 401     |              |                           | 401          |                              | 401     | nợ                                |
| Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Tam Kỳ đoạn từ nhà ông Tron đến nhà ông Thắng thôn Nghĩa Xuyên                | Cụm số 3    | 2019            | 824                        | 97                                    | 727                          | 727                              | 727     |              |                           | 727          |                              | 727     | Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025 |

|                                                                                                                                                                                                                        |            |           |         |        |        |        |        |     |        |       |        |                                                                                     |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----------|---------|--------|--------|--------|--------|-----|--------|-------|--------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Tam Kỳ đoạn từ đoạn từ Nhà văn hóa thôn Nại Đồng đến ngã tư nhà Đổng thôn Nại Đồng.                                                                                             | Cụm số 3   | 2019      | 776     | 404    | 372    | 372    | 372    | 372 | 372    | 372   | 372    | Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025                                                   |
| Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2024, dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025                                                                                                                              |            |           | 133.087 | 82.597 | 41.990 | 32.823 | 32.823 | -   | 26.113 | 6.710 | 32.823 |                                                                                     |
| Nhà hiệu bộ và 02 phòng học, nâng tầng 3 nhà lớp học 2 tầng Trường Tiểu học Bình Dân                                                                                                                                   | Cụm số 6   | 2023-2024 | 9.446   | 8.000  | 807    | 807    | 807    |     | 775    | 32    | 807    | Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025                                                   |
| Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 07 thôn Phong Nội, xã Bình Dân                                                                                                                                                | Cụm số 6   | 2024-2025 | 2.541   |        |        | 734    | 734    |     | 734    |       | 734    | Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025 còn 2 hộ chưa nhận tiền hỗ trợ, nên chưa thi công |
| Nhà lớp học 2 tầng 2 phòng, nhà vệ sinh học sinh trường tiểu học Đổng Cẩm                                                                                                                                              | Cụm số 1   | 2021-2022 | 2.502   | 2.236  | 266    | 266    | 266    |     | 150    | 116   | 266    | Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025                                                   |
| Đường giao thông nông thôn xã Đổng Cẩm: Đoạn từ chùa búi đến NTL5 xã, đoạn từ QL17b đến công ông Ngộ thôn Phú Gia, đoạn từ chợ Đổng đến ngã ba nhà bà Luyến thôn ĐXB và đoạn từ QL17b đến nhà ông Tam thôn Đổng Xã Nại | Cụm số 1   | 2021-2022 | 13.188  | 12.651 | 537    | 537    | 537    |     | 420    | 117   | 537    | Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025                                                   |
| Nhà đa năng trường tiểu học Đổng Cẩm cơ sở 2, huyện Kim Thành                                                                                                                                                          | Cụm số 2   | 2021-2022 | 1.987   | 1.764  | 223    | 223    | 223    |     | 150    | 73    | 223    | Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025                                                   |
| Đường giao thông nông thôn xã Đổng Cẩm: Đoạn từ QL17b đến nhà ông Bảo thôn Đại Đổng và đoạn thôn Quảng Bình                                                                                                            | Cụm số 2   | 2021-2022 | 6.046   | 5.719  | 327    | 327    | 327    |     | 200    | 127   | 327    | Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025                                                   |
| Nâng cấp khu trải nghiệm trường mầm non Đổng Cẩm; Hạng mục: Hoàn thiện khu trải nghiệm                                                                                                                                 | Cụm số 1   | 2022      | 331     |        |        | 331    | 331    |     |        | 331   | 331    | nợ                                                                                  |
| Trụ sở Công an xã Đổng Cẩm                                                                                                                                                                                             | Cụm số 1   | 2023      | 5.714   | 4.407  | 1.307  | 1.307  | 1.307  |     | 1.307  |       | 1.307  | Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025                                                   |
| Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ Đổng Gia và nghĩa trang liệt sỹ Cẩm La xã Đổng Cẩm, huyện Kim Thành                                                                                                              | Cụm số 1+2 | 2024-2025 | 7.687   | -      | 3.149  | 3.149  | 3.149  |     | 3.080  | 69    | 3.149  | Công trình dở dang                                                                  |
| Cải tạo trường Mầm non cơ sở 1 (Đổng Gia) và trường Mầm non cơ sở 2 (Cẩm La) xã Đổng Cẩm, huyện Kim Thành                                                                                                              | Cụm số 1+2 | 2024      | 2.161   |        | 1.748  | 1.748  | 1.748  |     | 1.215  | 533   | 1.748  | nợ                                                                                  |
| Xây dựng, cải tạo sân vườn trường Tiểu học Tam Kỳ, huyện Kim Thành                                                                                                                                                     | Cụm số 3   | 2022      | 3.183   | 2.416  | 767    | 767    | 767    |     | 750    | 17    | 767    | Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025                                                   |
| Xây dựng hạ tầng giao thông tuyến đường trục chính thôn Kỳ Côi, xã Tam Kỳ                                                                                                                                              | Cụm số 3   | 2022      | 1.580   | 630    | 950    | 950    | 950    |     | 945    | 5     | 950    | Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025                                                   |
| Xây dựng hạ tầng giao thông tuyến đường trục chính thôn Nại Đồng, xã Tam Kỳ                                                                                                                                            | Cụm số 3   | 2022      | 10.130  | 8.297  | 1.833  | 1.833  | 1.833  |     | 1.833  |       | 1.833  | Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025                                                   |
| Trụ sở Công an xã Tam Kỳ                                                                                                                                                                                               | Cụm số 3   | 2023      | 6.124   | 4.627  | 1.497  | 1.497  | 1.497  |     | 1.497  |       | 1.497  | Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025                                                   |

| Cải tạo nghĩa trang liệt sỹ xã Tam Kỳ                                                                                           | Cụm số 3 | 2022      | 956    | 146   | 810    | 810    | 810    | 810   | 157   | 653   | 810    | Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025 |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------|--------|-------|--------|--------|--------|-------|-------|-------|--------|-----------------------------------|
| Nhà đa năng và các công trình phụ trợ THCS xã Tam Kỳ                                                                            | Cụm số 3 | 2024-2025 | 7.342  | 1.970 | 4.841  | 5.371  | 5.371  | 5.371 | 2.000 | 3.371 | 5.371  | nợ                                |
| Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng trường tiểu học Kiến Đức, xã Đại Đức, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương                                | Cụm số 4 | 2022      | 9.304  | 5.814 | 4.000  | 4.000  | 4.000  | 4.000 | 4.000 |       | 4.000  | Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025 |
| Trường tiểu học Đại Đức - điểm trường Đại Xuyên. Hạng mục: Nhà đa năng và nhà lớp học 3 tầng 9 phòng.                           | Cụm số 4 | 2022      | 11.985 | 8.264 | 3.721  | 3.721  | 3.721  | 3.721 | 2.900 | 821   | 3.721  | nợ                                |
| Nâng cấp các tuyến đường giao thông, đường điện, trạm biến thế giai đoạn 2 khu vực nuôi trồng thủy sản Đầm Tôm thuộc xã Đại Đức | Cụm số 4 | 2021      | 6.396  | 5.549 | 830    | 830    | 830    | 830   | 800   | 30    | 830    | nợ                                |
| Trụ sở Công an xã Đại Đức                                                                                                       | Cụm số 4 | 2023      | 5.382  | 3.908 | 1.474  | 1.474  | 1.474  | 1.474 | 1.200 | 274   | 1.474  | nợ                                |
| Nâng cấp cải tạo đường trục chính từ bảng tin thôn Kim Định đến đê thôn Văn Thọ                                                 | Cụm số 4 | 2023-2025 | 14.993 | 2.231 | 12.762 | 2.000  | 2.000  | 2.000 | 2.000 |       | 2.000  | Công trình dở dang                |
| Nhà Văn hóa thôn Tân Tiến                                                                                                       | Cụm số 4 | 2022      | 4.109  | 3.968 | 141    | 141    | 141    | 141   |       | 141   | 141    | nợ                                |
| Các dự án khởi công mới năm 2025, dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025                                                  |          |           | 31.886 | -     | -      | 31.886 | 31.886 | -     | 9.751 | 3.135 | 19.000 |                                   |
| Sửa chữa Trụ sở làm việc Đảng ủy - UBND xã                                                                                      | Cụm số 1 | 2025      | 9.325  |       |        | 9.325  | 9.325  |       | 6.190 | 3.135 |        |                                   |
| Sửa chữa Trụ sở làm việc Cơ quan Đảng - HĐND - UBND xã                                                                          | Cụm số 6 | 2025      | 3.561  |       |        | 3.561  | 3.561  |       | 3.561 |       |        |                                   |
| Xây dựng điểm Trường Mầm non thôn Kỳ Côi                                                                                        | Cụm số 3 | 2025-2026 | 12.000 |       |        | 12.000 | 12.000 |       |       |       | 12.000 |                                   |
| Cải tạo, mở rộng các nghĩa trang nhân dân: Ba Đại, Rỗ Lạng - thôn Kỳ Côi, Đồng Đình - Thôn Nai Đồng, Đồng Tet - thôn Tân Tiến   | Cụm số 4 | 2025-2026 | 7.000  |       |        | 7.000  | 7.000  |       |       |       | 7.000  |                                   |

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thanh Nghị

Ngày 26 tháng 7 năm 2025  
TAM ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Nghiệp